

Chương 8

NƯỚC ẦU LẠC

1. Vấn đề nguồn gốc Thục Phán

Sử sách viết và truyền thuyết kể Thục Phán –An Dương Vương đã lập nên nước Âu Lạc. Nhưng Thục Phán là ai, từ đâu tới? Với câu hỏi đó, hàng ngàn năm nay, sử viết và sử miệng cũng đã đưa ra nhiều câu trả lời khác biệt.

Cổ sử Đại Việt (*Việt Sử Lược, Toàn Thư*) đều ghi Thục Phán là “con cháu vua Thục” hoặc là “người Ba Thục” ở Tứ Xuyên.

Nhưng các sử gia thời Nguyễn và tiếp đó Trần Trọng Kim (1909) lại phủ nhận nguồn gốc Thục của Thục Phán. Họ lập luận: năm 316 TCN nước Thục đã bị Tần diệt thì làm sao đến năm 257 TCN còn có con vua Thục dẫn quân đi vượt hàng ngàn dặm núi rừng, qua nhiều nước để chiếm nước Văn Lang (!?).

Thậm chí, có những học giả, xưa như Ngô Tất Tố (1939) tuyên bố “Nước Nam ta không có ông An Dương Vương nhà Thục”; nay như Lê Mạnh Thát (2008) “gây chấn động” bằng tuyên bố “truyền thuyết Thục Phán-Triệu Đà là sự mô phỏng bản anh hùng ca Mahabharata của Ấn Độ”, tức phủ nhận sạch trơn sự tồn tại lịch sử của Thục Phán.

Tuy nhiên, Đào Duy Anh (1957/2010:375) vẫn tin vào sử Đại Việt. Ông đoán định: Thục Phán là dòng dõi vua Thục, nhưng sau khi nước Thục mất đã từ Tứ Xuyên đến tị nạn ở Quý Châu, Vân Nam, cuối cùng tới biên giới phía Bắc Việt Nam. Thục Phán thuộc về một nhóm Việt có văn hóa và ngôn ngữ không xa lạ với người Tây Âu-Lạc Việt.

Việc công bố truyền thuyết “Chín chúa tranh vua” năm 1963 đã khiến Đào Duy Anh (1964/1994:27) và các học trò của ông như Phan Huy Lê-Trần Quốc Vượng-Hà Văn Tấn (1985) chuyển hướng, chứng minh ông là thủ lĩnh của một liên minh bộ lạc của người Tây Âu, trong truyền thuyết là “nước Nam Cương” có trung tâm ở Cao Bằng-Nam Quảng Tây.

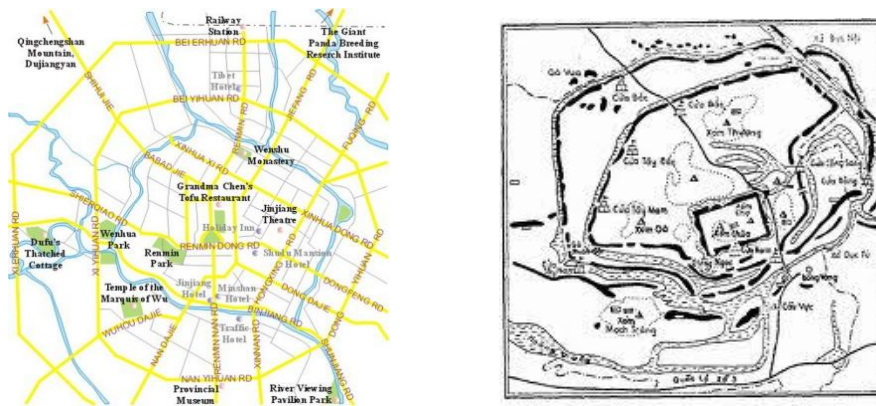
Thục Phán không phải là dòng dõi vua Thục ở Tứ Xuyên. Hiện đó vẫn là quan điểm chính thống và phổ biến của sử học Việt Nam.

Nhưng một lần nữa, tôi sẽ chứng minh, *Việt Sử Lược, Toàn Thư* và Đào Duy Anh ở những năm 1950 đã đúng, Thục Phán là dòng dõi vua nước Thục. Bằng chứng đầu tiên và quan trọng nhất chính là mối liên hệ cội nguồn giữa thành Thành Đô và thành Cổ Loa.

2. Quan hệ cội nguồn: thành Thành Đô- thành CỔ Loa

Thành Thành Đô ở Tứ Xuyên còn có tên là Thành Rùa. Một truyền thuyết kể: sau khi chiếm Thục, tướng Tần Trương Nghi cho xây thành mới, nhưng cứ xây rồi thành lại đổ. Sau nhờ theo dấu chân một con rùa lớn từ chân thành bò ra, thành mới xây xong. Thành có hình rùa nên mang tên Thành Rùa (Đào Duy Anh 2010: 365).¹

Một bản đồ cho thấy thành phố Thành Đô nay vẫn mang bóng dáng của tòa Thành Rùa xưa. Trong khi đó, một bản đồ cũng cho thấy thành Cổ Loa có hình hài tựa tựa thành Thành Đô, nhưng như tên gọi, giống hình xoáy ốc.



Hình 1: Bản đồ Thành Đô và di chỉ Cổ Loa nay

Nguồn: china-emap.com; mevietnam.org

Tư liệu khảo cổ khẳng định việc xây thành hình tròn hay bầu dục là một truyền thống của vùng Dương Tử từ thời Đá Mới. Ngôi thành cổ nhất ở Tứ Xuyên thời văn hóa Bảo Đôn (2500-1700 TCN) có hình tròn, với qui mô và kỹ thuật xây dựng tương tự với thành Thành Đầu Sơn ở Hồ Nam (Chau Hinh Wah 2006)². Tuy nhiên, vào thời sau này, thành Tam Tinh Đôi lại có hình thang.

¹Xem thêm <http://en.wikipedia.org/wiki/Chengde>. Thành Đô, theo sử Hoa là do một vua thứ 9 triều đại Khai Minh xây vào thế kỷ 5 TCN, tên Thành Đô được đặt dựa theo câu nói của vua Chu: “Một năm thành xóm, hai năm thành ấp, ba năm thành đô”. Tuy nhiên, đó chỉ là một cách lý giải muộn. Tên thành nước Thục xưa phải là một từ Thục.

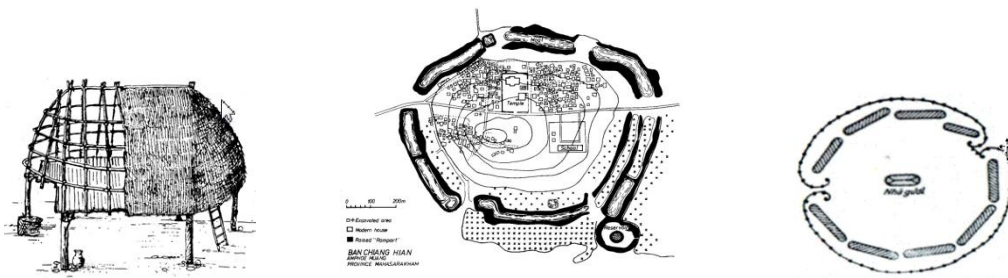
² www.heritagemuseum.gov.hk/



Hình 2: Bản đồ các di tích thành cổ: Thành Đầu Sơn (4000 TCN), Hồ Nam; Thạch Gia Hà (2500-2000 TCN), Hồ Bắc; Tam Tinh Đôi (1600-1100 TCN), Tứ Xuyên.

Nguồn: sciencedirect.com; Trương Tự Cầu 2004; en.wikipedia.org/wiki/Sanxingdui

Chưa rõ các ngôi thành thời Đá Mới ở vùng trung lưu Dương Tử vì sao có hình tròn và mang biểu tượng gì, nhưng chúng ta biết ngôi nhà sàn của văn hóa Đá Mới Bản Kao ở Nong Chea Sao Thái Lan (1800-1300 TCN) cũng có nền hình bầu dục, được phục dựng có dáng giống ngôi nhà cổ truyền mái hình mũ rùa của người Lava, Khmu, Thái Đen; sử thi *Đề Đất Đề Nước* của người Mường kể ngôi nhà cổ truyền Mường cũng đã được dựng theo hình dáng một con rùa. Nhà và làng Katu đều có kết cấu hình tròn hay bầu dục. Nhiều di chỉ thành đất đắp ở lục địa ĐNA thời Đồ Sắt có hình tròn. Thành Dền ở Vĩnh Phúc, được coi là thành của Hai Bà Trưng cũng có hình bầu dục (Nguyễn Lộc 1985:119). Chắc chắn, tất cả các dạng thành, làng, nhà hình tròn hay bầu dục đó và các ngôi thành “hình rùa” có mối quan hệ cội nguồn.



Hình 3: Ngôi nhà Đá Mới ở Nong Chea Sao, Thái Lan (phục dựng); Di chỉ thành Ban Chiang Hian, Thái Lan (400 TCN-200); Cấu trúc làng Katu.

Nguồn: Henriksen 1982; Higham 1996; Khổng Diễn 1982.

Truyện *Rùa Vàng* trong *Lĩnh Nam Trích Quái* không nói thành được dựng theo đường chân rùa bò, nhưng cũng kể An Dương Vương xây thành nhưng cứ đắp lại đổ, sau nhờ thần Rùa Vàng diệt hồn ma bóng quỷ nên mới xây xong. Thần Rùa còn cho

vua một cái móng để làm lấy nỏ thần giữ thành và dặn “Nếu nỏ còn thành còn, nếu nỏ mất thành mất”.

Truyền thuyết nói Trương Nghi xây Thành Rùa, nhưng thực ra, ông ta chỉ đắp lại thành cũ nước Thục. Các truyền thuyết Cao Biền xây thành Đại La, Lý Thái Tổ xây thành Thăng Long với những mô típ tương tự cho chúng ta thấy rõ điều đó.

Một truyền thuyết về thành Đại La kể: năm 874, Cao Biền cho mở rộng thành Đại La (do Trương Bá Nghi dựng vào năm 767) nhưng cứ đắp thành lại đổ. Một đêm, Cao Biền mơ thấy một vị thần cưỡi ngựa trắng dặn hãy đắp thành theo vết chân ngựa chạy. Thành đắp xong, Cao Biền bèn cho lập đền thờ vị thần ấy ở chính nơi thần hiện ra. Đó chính là đền Bạch Mã ở phố Hàng Buồm, Hà Nội nay.

Một truyền thuyết về thành Thăng Long lại kể: năm 1010, Lý Thái Tổ cho dời đô từ Hoa Lư về Đại La, vì thấy rồng hiện trên sông Hồng nên cho đổi tên thành Thăng Long. Vua Lý cho đắp lại thành, nhưng hễ đắp lại lở. Vua sai người đến cầu thần Long Đỗ thì bỗng thấy một con ngựa trắng từ trong đền chạy ra, dạo quanh thành một vòng, đi tới đâu để vết chân đến đó, cuối cùng phi vào đền rồi biến mất. Vua theo vết chân ngựa đắp thành thì thành không lở nữa. Dựng thành xong, vua phong cho thần Long Đỗ làm Thành hoàng-Thần Bảo hộ của thành. ¹

Trong tất cả các truyền thuyết trên, thần rùa và thần ngựa trắng đều là các vị thần bảo hộ của thành. Thần ngựa trắng thay thế thần rùa phản ánh vai trò của Phật giáo vào thời Đường và thời Lý. Ngựa cũng là một biểu tượng của thần nước-thần mưa như rồng, rùa, nhưng trong tâm thức Ấn Độ, ngựa trắng là ngựa yêu của hoàng tử Siddhartha, người sau đã trở thành Phật tổ.

Vì sao vua Thục triều Khai Minh lại xây thành mới theo hình rùa? Để trả lời câu hỏi trên, chúng ta hãy tìm hiểu nguồn gốc của hoàng tộc triều Khai Minh nước Thục.

3. Nguồn gốc hoàng tộc Khai Minh nước Thục

Theo *Thục vương bản kỷ* ², vị vua đầu tiên của triều đại Khai Minh có tên là Miết Linh, người đất Kinh (Hồ Bắc-Hồ Nam). Miết Linh bị chết đuối trên sông Dương Tử, xác trôi đến đất Thục thì sống lại, gặp vua Vọng Đế, rồi sau trở thành tướng quốc nước Thục. Khi có lũ lụt, Miết Linh chỉ đạo việc đào núi, đắp sông ngăn nước thành công nên được Vọng Đế nhường ngôi.

Nhờ Eberhard (1968:199,293,313) chúng ta lại biết: chữ Miết 瞿 ghi tên Miết Linh cũng là chữ Biết chỉ một loài rùa. Tên Miết Linh= Thần Rùa và truyền thuyết Miết Linh bị

¹ Nhà khảo cổ học Trịnh Hoàng Hiệp, từ điều truyền thuyết kể thành cứ đắp lại đổ đã ngờ rằng có hiện tượng động đất khi xây thành Cổ Loa và đã nhờ các chuyên gia Mỹ xác định. Chúng ta hãy chờ xem.

² Sách của Dương Hùng thời Tây Hán, thất lạc nhưng được Trịnh Phác thời Minh tập hợp từ các trích dẫn trong sách thời Tống. Bản dịch của Lý Nhĩ Chân trên <http://www.viethoc.org/phorum/read.php?10,34172,page=24>

chết trôi có liên quan tới quan niệm hồn người chết trôi thường hóa thành rùa-thần sông nước của cư dân vùng Nam Dương Tử. Truyền thuyết về Miết Linh cũng có họ hàng với truyền thuyết về Đại Vũ, bởi cả hai đều là anh hùng chống lũ lụt. Chữ Vũ 禹 cũng chỉ một con vật lưỡng cư (như rùa, rắn) và theo một truyền thuyết khi Đại Vũ vượt biển, rùa nổi lên làm cầu. Mô típ rùa nổi làm cầu thường thấy trong các truyền thuyết ở vùng hạ lưu Dương Tử và ở Triều Tiên, nơi chịu ảnh hưởng của văn hóa vùng ven biển phía Đông Trung Quốc. Đại Vũ cũng có liên hệ với rùa 3 chân, một dạng giao long. Tín ngưỡng thờ thần rùa-thần mưa còn thấy ở Giang Tô, Hồ Nam. Dấu tích của tục thờ vật tổ rùa được thể hiện qua việc dùng các đại từ chỉ người như *tướng quân, nương tử, phu nhân, lão, bà cô* để gọi thần rùa. Khi bị đau ốm, cư dân ở đó không gọi thầy lang đến chữa mà lại gọi thầy cúng đến cầu cúng thần rùa, cúng lợn, gà không khỏi thì cúng trâu bò. Phong tục đó cũng thấy cả ở tầng lớp quý tộc...

Tra từ điển, chúng ta được biết thêm, *Biết* tương ứng với Miết trong tên Miết Linh cũng là từ chỉ *ba ba*, loài rùa lớn mai mềm mà người Việt Nam thường gọi là *giải*. Đó cũng chính là loài rùa ở Hồ Gươm được gắn với truyền thuyết Rùa Thần trao kiếm cho Lê Lợi đánh giặc. Đánh giặc xong, Rùa Thần lấy lại kiếm thần.

Biết trong tiếng Hoa là *Pie*, tương ứng cả về âm và nghĩa với từ chỉ *ba (ba)* trong tiếng Việt. Ba lại là tên người Ba tương ứng với Va/La/Việt/Biết. Chữ Ba 巴 có tượng hình là một con rắn, cũng là thần nước như rùa hay ba ba.

Nhưng điều lý thú nhất là, tên gọi vua Miết Linh có liên hệ cội nguồn với tên gọi người Biết hay Lão Biết=Lạc Việt, được sử sách ghi nhận là tộc người của cả hoàng tộc Thục, Dạ Lang (Phụ lục 6D) và ʼ Việt (Phụ lục 6 A).

Như vậy, có thể xác định, vị vua đầu tiên của triều Khai Minh, cũng như vua Hùng là một người thuộc hoàng tộc nước La/Lạc Việt từ Hồ Nam tới. Cổ sử Hoa cho biết triều Khai Minh ra đời vào năm 666 TCN¹, tức sau khi nước La bị Sở thôn tính 24 năm.

Mối liên hệ cội nguồn giữa hoàng tộc Thục và hoàng tộc Ba lý giải sự hòa nhập thống nhất giữa văn hóa Ba và văn hóa Thục vào thế kỷ 5-4 TCN, tạo ra một nền văn hóa chung gọi là “văn hóa Ba-Thục”.

Mối liên hệ cội nguồn giữa hoàng tộc Ba-Thục và hoàng tộc ʼ Việt cũng lý giải một loạt những tương đồng giữa văn hóa Ba-Thục và văn hóa ʼ Việt, ví dụ truyền thuyết về vua Miết Linh và Đại Vũ, tục chôn mộ thuyền, mộ gò, tục xây thành hình rùa và nhiều yếu tố khác (Chương 11, 12).

¹ [http://en.wikipedia.org/wiki/Shu_\(state\)](http://en.wikipedia.org/wiki/Shu_(state))

Mối liên hệ cùng nguồn gốc giữa hoàng tộc Văn Lang và hoàng tộc Khai Minh cũng lý giải việc nhiều truyền thuyết và thần tích Việt coi Thục Phán cùng dòng dõi với vua Hùng hay là “cháu ngoại Vua Hùng”.

Thục vương bản kỷ cũng cho biết, năm 285 TCN, vua Tần bức tử vị Thục hầu cuối cùng của nhà Khai Minh và định đưa xác về chôn ở kinh đô Tần Hàm Dương. Lập tức, trời mưa liền 3 tháng, nước ngập trắng đường đất Thục nên cuối cùng vua Tần phải cho chôn Thục hầu ở Thành Đô. Người Thục tin Thục hầu là thần mưa, nên có tục cúng Thục hầu cầu mưa, thấy thường linh nghiệm.

Như vậy, trong tín ngưỡng Thục, các vua Thục triều Khai Minh đã trở thành thần rùa- thần mưa- thần sông nước. Việc triều Khai Minh xây thành Rùa mang hình tròn, vừa phục hồi một truyền thống của người Bách Việt thời xa xưa, vừa có liên quan trực tiếp tới tục thờ rùa- vật tổ -thần bảo hộ của hoàng tộc Khai Minh. Thờ rùa làm vật tổ phản ánh tục thờ con vật nước –rồng rắn của người Bách Việt nói chung. Việc hoàng tộc Khai Minh chọn rùa làm vật tổ và xây thành mang hình vật tổ phản ánh mối liên hệ cội nguồn giữa hoàng tộc Khai Minh với hoàng tộc U Việt.

Tóm lại, việc Thục Phán dựng thành Cổ Loa theo hình rùa cho thấy ông đúng là dòng dõi vua Thục, cụ thể hơn, hoàng tộc triều Khai Minh-triều đại cuối cùng của nước Thục.

Nếu thành Thành Đô từng có tên gọi là thành Rùa thì thành Cổ Loa, với hình hài và tương tự, có tên gọi gốc là gì?

4. Từ gốc của tên gọi Cổ Loa

Về tên gọi gốc của thành Cổ Loa, cho đến nay đã có khá nhiều giả thuyết. Chúng ta hãy điểm lại một số giả thuyết đáng chú ý nhất.

- *Giả thuyết của Rolf A Stein*

Stein (1943:54/1990: 66) trong một nghiên cứu về hai chủ đề quả bầu và núi Côn Lôn trong văn hóa truyền thống Trung Quốc và Việt Nam xác định: tên núi Côn Lôn nằm trong họ từ cùng với các từ *hu/hũ* (bình gốm), *hu/hồ* (quả bầu), *hulu/hồ lô* (quả bầu nậm), *hu/hồ* (hình tròn, sự hoàn chỉnh), *hun/hôn* (đêm tối), *hun lun/hỗn độn...*). Về mặt hình thái, các từ đó nằm trong một loạt từ có phụ âm đầu *k/h/l* trong tiếng Hoa hiện đại, tương ứng với phụ âm đầu kép *kl* trong tiếng Hoa cổ đại. Tiếng Tạng vẫn bảo lưu dạng phụ âm cổ đó, đặc biệt, hai từ *klung* và *klong* có một sự phát triển về nghĩa tương tự với sự phát triển của các từ *hồ lô* và *Côn Lôn*. Cụ thể: *klung*=lòng thung lũng; *klong*=1-sự mở rộng, một thể hỗn mang, một làn sóng hay mọi vật gợn sóng, nhấp nhô như

những nếp uốn của vỏ sò/ ốc; 2- ý niệm về sự vô tận về không gian và chiều sâu của tâm thức; 3- điểm trung tâm (theo quan niệm xưa, núi Côn Lôn là trung tâm của vũ trụ).

Trong Đạo giáo, núi Côn Lôn được coi là một công trình kiến trúc có 3 hoặc 9 tầng hay có 9 vòng hình xoáy ốc. Nó còn có tên là Qui Sơn=Núi Rùa, nơi trị vì của Tây Vương Mẫu, vị nữ thần tối cao của Đạo giáo. Một ngôi mộ có niên đại thế kỷ 3-2 TCN ở Sơn Đông có khắc hình Tây Vương Mẫu ngự trên núi Côn Lôn có rùa nâng đỡ ở dưới.

Từ đó, Stein liên hệ biểu tượng núi Côn Lôn với tên Côn Lôn, một tên gọi khác của thành Cổ Loa với cách lý giải do “tường thành cao như núi” và với tên gọi Loa Thành với cách lý giải do “thành có 9 vòng quanh co xoáy ốc”. Ông cho rằng tên gọi Cổ Loa là vô nghĩa và tên gốc của nó phải có dạng KI-. Ông cũng nhấn mạnh vai trò của thần Rùa Vàng giúp việc dựng thành Cổ Loa trong truyền thuyết có liên hệ với quan niệm về vai trò trấn thủy, bảo hộ đề điều, thành quách của các vị thần nước (rùa-trâu-ốc) thể hiện qua tục yểm hay ném xuống sông hồ tượng các con vật trên đúc bằng kim loại cũng như tục thờ thần Trấn Vũ (thần Rùa) ở cả Việt Nam và Trung Quốc.

Stein cũng cho rằng các suy diễn nêu trên về tên thành Cổ Loa chắc chắn cũng có liên quan đến một đoạn trong *Ngô Việt Xuân Thu*, theo đó ở nước Ngô, Ngũ Tử Tư đã cho xây một tòa thành theo hình tròn-hình trời với 8 cửa tương ứng với “Bát Quái”, theo phong thủy là thế giúp Ngô diệt được nước Sở ở phía Tây Bắc, chiếm được nước Việt phía Đông Nam. Để đối phó, theo lệnh của vua Câu Tiễn, Phạm Lãi quan sát thiên văn và thiết kế một ngôi thành mô phỏng các chòm sao trên trời có hình thế của núi thiêng Côn Lôn 9 tầng theo hình xoáy ốc, theo phong thủy là thế “ thông Thiên và Địa khí”, có thể làm cho nước U Việt trở nên hùng mạnh. Trong thành có Qui Sơn (Núi Rùa), còn được gọi là Quái Sơn bởi theo truyền thuyết quả núi đó nổi lên trên biển Đông rồi bất ngờ xuất hiện trong thành. Đó vừa là một đảo-núi tự nhiên vừa là một công trình kiến trúc, nhìn từ xa giống một con rùa. Câu Tiễn đã cho xây ở đó một đài tế với một tháp 3 tầng. Đó cũng là nơi vua Việt xem bói mai rùa và thiên khí liên quan đến vận mệnh nước Việt.

Tư liệu khảo cổ cũng cho thấy di chỉ Yêm Thành của nước U Việt ở Giang Tô cũng có 3 vòng thành và hào nước hình xoáy ốc và chỉ có thể tiếp cận bằng thuyền (Warner 1993:526). Dạng nhà phòng thủ hình tròn của người Hakka (gốc Lava-Lạc Việt) ở Phúc Kiến, hiện là một di sản văn hóa thế giới) chắc chắn cũng có gốc từ dạng thành hình tròn trên.



Hình 4: Yêm Thành ở Giang Tô-thế kỷ 5 TCN; Dạng nhà tròn của người Hakka miền núi Phúc Kiến

Nguồn: Wagner 1993; http://en.wikipedia.org/wiki/Hakka_walled_village

Theo tôi, các phân tích biểu tượng và từ nguyên của Cổ Loa của Stein rất có giá trị trong việc truy tìm tên gọi gốc của Cổ Loa .

- *Giả thuyết của Đào Duy Anh*

So sánh tên Cổ Loa với tên các làng có từ Cổ, Kê ở Việt Nam và Quảng Tây, Đào Duy Anh (2010:402) đoán Cổ Loa có gốc từ Kê Loa (Người/Làng có thành Loa). Loa lại có gốc từ Loa Thành xuất hiện từ thời Tống chỉ thành Cổ Loa theo tập truyền có hình xoáy ốc.

- *Giả thuyết của Trần Quốc Vượng*

Trần Quốc Vượng (1971/2000:276), một mặt “nghi ngờ tính xác đáng của một cách phục hồi không nhất quán” của Đào Duy Anh, mặt khác chứng minh, tên gốc Việt của thành là *Klũ*, từ đó có các tên *Khả Lũ*, *Kim Lũ*, *Cổ Loa* của thành và các tên *Chạ Chủ*, *Kê Chủ*, *Làng Chủ* của làng.

Nhà ngôn ngữ học Trần Chí Dối (2005, 2008) cũng ủng hộ cách lý giải trên.

Có điều, cả hai học giả mới chỉ tìm được âm gốc chứ chưa tìm được nghĩa gốc của Cổ Loa. Các ông cũng không lý giải vì sao thành lại có các tên gọi khác như Côn Lôn, Tư Long cũng như mối liên hệ giữa tên thành với hình dáng thành và các truyền thuyết gắn với thành.

- *Giả thuyết của Davidson*

Hà Văn Tấn (1999) cho biết: nhà khảo cổ học Anh Davidson (1979), từ việc phân tích truyền thuyết Rùa Vàng đã cho rằng tên Cổ Loa có mối liên hệ từ nguyên với các từ chỉ rùa/ trai/ốc như *kara* (Chăm), *kroa* (Giarai), *kula* (Proto Indonesia)...

Tôi không có bài viết của Davidson nên chưa rõ vì sao ông lại gắn từ gốc của Cổ Loa với các từ Nam Đảo. Nhưng tôi đoán ông đã dựa trên một bài viết của Pryzluski (1925) chỉ ra những tương đồng giữa truyền thuyết Cổ Loa và truyền thuyết Phù Nam, từ đó xác định cội nguồn của hai truyền thuyết đều là văn hóa biển của người Nam Đảo.

Dù lý do thế nào, giả thuyết của Davidson đã đi đúng hướng.

- *Giả thuyết của Phạm Đức Dương, Nguyễn Việt*

Phạm Đức Dương (2000:74), tiếp đó Nguyễn Việt (2010:706), từ gợi ý của Trần Quốc Vượng rằng tên gọi Cửa Lò có gốc *Kulua* (Malay)¹ lại đưa ra một giả thuyết mới: hai tên gọi Cổ Loa/Khả Lũ có gốc *Kulua/Kelua*=cửa sông trong tiếng Malay; tên gọi đó bắt nguồn từ việc vùng Cửa Lò nằm trên một cửa sông vào thời Đá Mới.

Thực ra, trong tiếng Malay có từ *kuala* =cửa sông, họ hàng với *keluar* = đi ra, cửa ra. Tên thủ đô Malaysia *Kuala Lumpur* có nghĩa là “Cửa sông Bùn”. Tên Cửa Lò đúng là có gốc *Kuala* bởi vùng ven biển Thanh-Nghệ từng là nơi cư trú của các nhóm dân hải du nói ngôn ngữ Nam Đảo (ví dụ người Bồ Lô). Tuy nhiên, theo tôi, cho dù tên đất Cổ Loa cổ là *kuala* thì cũng rất khó có khả năng An Dương Vương lấy tên gọi cũ đó cho ngôi thành mới của mình. Hơn nữa, tên gọi Cửa Sông đó cũng chẳng có mối liên hệ nào với các truyền thuyết về thành, hình thế của thành cũng như với nguồn gốc của Thục Phán.

- *Giả thuyết của Tạ Đức*

Trong cuốn sách trước (Tạ Đức 1999:72, 2000), từ các phân tích về từ nguyên và biểu tượng trong kiến trúc cổ đại ở Trung Quốc và ĐNA, dựa trên các giả thuyết của Stein và Davidson, tôi cũng đã đưa ra một giả thuyết về từ gốc của Cổ Loa. Nhưng cũng phải thừa nhận rằng, một số luận cứ trong giả thuyết đó vẫn chưa rõ ràng và vì thế bị phê phán là “không dễ hiểu”². Vì thế, ở đây, tôi sẽ trình bày lại giả thuyết đó với các luận cứ cả cũ và mới, một cách đầy đủ, rõ ràng hơn như sau:

¹ Thực ra, Bình Nguyên Lộc (1971:550, 755) đã nêu điều này từ lâu và cho biết: trong *Việt sử tiêu án*, Ngô Thì Sĩ ghi Cửa Lò là Cô La, một cửa biển ở Hà Tĩnh có tên Kỳ La, thời Tây Sơn, cửa Thuận An (Huế) gọi là Cô La Eo.v.v.

² Nguyễn Kết, một học giả Việt kiều, trong một bài viết trên (<http://htx.dongtak.net/spip.php?article852>) đã nhận xét về giả thuyết của tôi như sau: “Những cái tên như thế, nếu là tên gốc, có thể hàm nghĩa thành đã được dựng lên theo mô hình hoàn chỉnh, trong sự so sánh với các thành khác về hình thù và ý nghĩa hoặc biểu tượng gán cho chúng. Người Việt cổ phải đi rất xa, hoặc có hiểu biết về, hay có thương khách từ, những phương trời rất xa, để có một so sánh như vậy. Trong bối cảnh Văn hoá Đông Sơn, cũng không dễ hiểu là sự đặt tên thành đã có từ căn bản những so sánh nếu có như vậy”. Ông cho rằng “Một tên cụ thể mang nghĩa Chủ, theo cách lý giải của Trần Quốc Vượng, gắn với vua Chủ “nhiều khả năng là có ngay trong thời gian thành được tạo dựng, so với những tên, ví dụ, (thành) Ốc hay Hình Ốc”. Phải thừa nhận là nhận xét của Nguyễn Kết là đúng khi trước đây, tôi đã không có phần chứng minh Thục Phán gốc Thục.

1-Từ gốc của Cổ Loa là một từ cổ có dạng *Klu/ Klo/Kro/Kru*, tương ứng với *Klung/Klong /Krong/Krung*. Do đó từ phiên âm tên gốc của Cổ Loa có các dạng: *Côn Lôn/Khả Lưu/Khả Lũ/Tư Long/Quỉ Long* (tên thành), *Kim Lũ/Kẻ Chủ* (tên làng), *Cà Lò/Phù Lỗ* (tên gọi các nhánh sông chảy qua vùng có thành), *Phù Lỗ/Kim Nỗ* (tên vùng/huyện có thành).

2- Trong tiếng Tạng-Miến, Nam Á, Nam Đảo, từ *klu/klo* tương ứng với *klung/klong/krong* = sông= rồng=thần nước, với các hiện thân cụ thể là rắn, rùa, cá sấu, thường luồng, trâu, ốc, ếch.v.v. Với Thực Phán, đó là từ chỉ Rùa (Ba Ba)-vật tổ của hoàng tộc Khai Minh nhà Thục, trong truyền thuyết là thần Rùa Vàng-Thần Bảo hộ cho An Dương Vương và nước Âu Lạc.

3- Từ *klu/klo* đó có họ hàng với *kra* (Thái)=*kara* (Cham)= *kroa* (Jarai)= *kras* (Khmer)=*kro/ro* (Mường)=rùa; *cù* (Việt Nam Bộ)=*cá sấu*; *tru* (Việt Trung Bộ)=trâu; *klu* (Mường)=rắn; *klo* (Khmu)=ốc; *loa* (Hán-Việt)=ốc.v.v.

4- *Klu/klo*= *klung/klong*, trong tiếng Tạng-Miến cũng có nghĩa “trung tâm” như Stein đã nêu, vì thế cũng có nghĩa kinh đô-thành Chủ.

5-Tư duy kiến trúc tiền sử là tư duy biểu tượng, liên quan với giải pháp kiến trúc tiền sử là giải pháp phỏng sinh, tức mô phỏng các con vật thiêng trong tự nhiên, về bản chất là một dạng ma thuật mô phỏng rất phổ biến thời tiền sử. Hai dạng nhà trên trống đồng Đông Sơn là hai dạng nhà mô phỏng hai vật tổ Rắn-Chim. Thành Cổ Loa, như thành Thành Đô là thành mô phỏng hình rùa.

6- Việc đặt tên thành Cổ Loa theo tên vật tổ Rùa cũng là một ma thuật mô phỏng về ngôn ngữ, có ý nghĩa tương tự tục đặt các tên đẹp cho người và đất, tục tin vào các vật đồng âm với nhau có ý nghĩa như nhau. Tên thành Cổ Loa=thành Rùa phản ánh mong muốn của An Dương Vương thành sẽ được vững chãi như rùa. Tên thành Thăng Long thời Lý chính là sự kế thừa và phát triển tên gọi Thành Rùa thời An Dương Vương, phản ánh tín ngưỡng thờ vật tổ Rồng truyền thống của người Bách Việt.

Tóm lại, cách lý giải tên gọi gốc của Cổ Loa là *Klo/Klu=Rùa*... đã kết nối và thống nhất được các điểm hợp lý của các cách lý giải đã có và phù hợp với các tư liệu liên ngành ngôn ngữ- khảo cổ và dân tộc học. Nó góp phần khẳng định Thực Phán là dòng dõi vua Thục, thành Cổ Loa là của An Dương Vương.

Tên gọi gốc của Cổ Loa còn phản ánh mối liên hệ lịch sử giữa nước Âu Lạc và nước Dạ Lang ở Quý Châu-Vân Nam.

5. Liên hệ Khả Lạc- Cổ Loa

Ở Chương 12, như chúng ta sẽ thấy, tướng lĩnh của An Dương Vương có những thanh kiếm tương tự những thanh kiếm tìm thấy ở di chỉ Khả Lạc thuộc văn hóa Dạ Lang ở Quý Châu.

Tên gọi Khả Lạc (Kele, Kulo) rõ ràng có âm rất gần gũi với Cổ Loa. Phải chăng cha ông Thục Phán khi đến tị nạn và làm chủ nước Dạ Lang ở Quý Châu cũng đã xây một tòa thành với hình thù và tên gọi tương tự với thành Cổ Loa?

Di chỉ Khả Lạc gồm hai khu mộ chính, trong đó khu mộ mang tên Lạc Đức Thành Địa có niên đại sớm (475-221 TCN) chứa nhiều mộ của người Dạ Lang với phần lớn các di vật tiêu biểu của văn hóa Dạ Lang gần gũi với các di vật của văn hóa Đông Sơn (Chương 12).

Một nguồn tư liệu¹ cho biết: trong sách cổ của người Lô Lô (con cháu hoàng tộc Dạ Lang xưa), Khả Lạc được ghi là *Kelelamo*, nghĩa là *Thành lớn- Thành trung tâm- Kinh đô*, sau gọi tắt và phiên âm trong tiếng Hoa là *Khả Lạc*. Trong khi đó, thành Thành Đô ở Tứ Xuyên được ghi là *Lacolamo*, thành Côn Minh ở Vân Nam được ghi là *Lobalamo*.

Như vậy, trong tiếng Lô Lô từ chỉ thành là *lamo*, còn Kele hay Khả Lạc không có nghĩa là Rùa mà là Trung tâm-To Lớn. Đó chính là hai trong ba nghĩa chính của từ *klung*, từ tương đương với *klu* trong tiếng Tạng-Miến như Stein đã nêu ở trên.

Wade (2009:16) cho biết sử thi của người Lô Lô ở Quý Châu kể: một ông tổ của họ đã chiếm kinh đô Khả Lạc từ người Tây Bộc và lập đô ở đây, sau đó, dời đô tới Khúc Tĩnh, Vân Nam (cách Côn Minh 130 km về phía Đông, gần Quảng Tây). Wade nhận xét: không có cơ sở để xác định niên đại của các sự kiện trên, ngoài việc thư tịch Hoa nói đến một vị vua Dạ Lang tên là To To hay Đa Đồng.

Tên vua To To mang âm hưởng Lô Lô, còn tên Đa Đồng lại gọi tới tên gọi Dạ Lang. Như chúng ta sẽ thấy, người Lô Lô chính là một nhóm Lạc Việt Tạng Miến hóa và là tộc người chủ thể của nước Thục. Còn người Tây Bộc chính là nhóm La/Lạc Việt/Klao đến Quý Châu sớm hơn, chủ nhân của nước Laba/ Lão Biết, được coi là tiền thân hay nước gốc của các nước Dạ Lang, Đa Đồng, Thả Lan.

Sự kiện nêu trong sử thi Lô Lô có thể phản ánh việc một nhóm hoàng tộc Thục sau khi nước mất đã di tản đến Khả Lạc, dành được nước Lão Biết, có lẽ tương tự

¹ <http://baike.baidu.com/> Mục Dạ Lang 夜郎

người La đã dành vương quyền ở các nước Thục, U' Việt trước đó và Văn Lang sau này. Các nhóm hoàng tộc Ba, Thục cũng lập ra một loạt nước ở vùng phía Nam hai nước Ba-Thục thuộc về liên minh Dạ Lang. (Phụ lục 6D, Chương 7).

Khả Lạc hiện được coi là di chỉ quan trọng nhất của văn hóa Dạ Lang. Tên gọi "Lạc Đức Thành Địa" cho thấy đó là nơi từng có một tòa thành ngự trị. Có vẻ, Lạc Đức là một tên gọi khác tương ứng với Khả Lạc. Nhưng tư liệu khảo cổ hiện có không cho thấy dấu tích của một ngôi thành hình rùa nào ở Khả Lạc. Nhiều khả năng, ngôi thành đó đã bị thời gian và con người hoàn toàn xóa bỏ.

Dù vậy, sự gần gũi giữa tên gọi thành Khả Lạc, sông Khả Lạc ở một kinh đô của nước Dạ Lang với tên gọi thành Cổ Loa, sông Cà Lồ ở kinh đô của An Dương Vương cùng với các tư liệu thư tịch và khảo cổ khác đều cho thấy, hoàng tộc Thục, cha ông Thục Phán đã di tản đến Quý Châu, lập nước Dạ Lang và dựng thành Klu/Khả Lạc.

Tuy nhiên, trước sức ép của nhà Tần và do đất Quý Châu nhiều núi non, hoàng tộc Thục-Dạ Lang ở Khả Lạc đã chuyển đô về Khúc Tĩnh, Vân Nam, từ đó làm chủ nước La Bạc/ Âu Lạc ở Quảng Tây, cuối cùng sau cuộc kháng chiến chống Tần thắng lợi, thôn tính nước Văn Lang.

6. Tên gọi An Dương vương và Âu Lạc

Đào Duy Anh (2010:425) cho biết: năm 1956, nhà khảo cổ học Trung Quốc Dư Duy Cương gửi cho Hồ Chủ Tịch một lá thư cùng bản dập một chiếc thẻ ngọc hình trái tim nằm trong số thẻ ngọc được tìm thấy ở Quảng Châu. Trên thẻ có 4 chữ lớn *An Dương hành bảo* và 120 chữ nhỏ. Ông ngờ rằng đó là thẻ ngọc của An Dương Vương do Triệu Đà lấy được. Do chữ trên thẻ không phải là chữ thông dụng thời Hán, nên ông cho rằng niên đại của *nước An Dương* (trong nguyên văn-T Đ) có thể còn sớm hơn, ngang với thời Chu hay thời Ân Thương.

Theo Đào Duy Anh, đúng là có 3 chữ *Dương Hành Bảo*, riêng chữ *An* ông còn nghi ngờ và nói phải chờ nghiên cứu của các chuyên gia. Theo ông, tên An Dương không chỉ mình An Dương Vương có mà là địa danh ở nhiều nơi ở Trung Quốc, vì thế không thể chỉ dựa vào tên đó mà cho rằng đó là thẻ của An Dương Vương. Bốn chữ An Dương Hành Bảo lại được viết bằng 3 kiểu chữ cổ thời Ân, Chu và Tần Hán nên niên đại của nước Âu Lạc không thể sớm hơn thời Tần-Hán. Nhưng nếu đó đúng là thẻ ngọc của An Dương Vương thì đó là bằng chứng khẳng định ông là một nhân vật lịch sử, rằng bề tôi của ông đã biết và dùng chữ Hán.

Vấn đề thẻ ngọc An Dương Vương đã bỏ ngỏ từ đó đến nay. 120 chữ nhỏ là chữ gì, ghi chép gì vẫn còn là điều bí ẩn.

Theo Thompson (2000:15) người Ba- Thục chẳng những đã biết chữ Hán cổ mà còn có hai loại chữ riêng chưa được giải mã. Do nhiều di vật Ba-Thục có mang một trong hai dạng chữ Ba -Thục và các dạng chữ đó chắc chắn thể hiện phương ngữ Ba-Thục cổ, có vẻ một số lượng khá quý tộc và pháp sư Ba-Thục có biết chữ. Vì thế, Thục Phán và những người theo ông đến từ đất Thục chắc là người biết chữ.

Một bằng chứng cho việc triều đình Âu Lạc có người biết chữ là những chữ khắc trên trống Cổ Loa, trống có lẽ đã được đúc thời An Dương Vương. Nguyễn Việt (2013) đọc là *Tây Vu tập (tứ thập) bát cổ trọng lượng cá bách thập nhất cân=Trống thứ 48 của người Tây Vu, nặng 281 cân (72kg)*. Riêng hai chữ *Tây Vu* lại được học giả Nhật Ba Hyu đọc thành một chữ *Việt*. Cách đọc của Nguyễn Việt hẳn đúng bởi hai chữ đó cũng xuất hiện trên một chiếc bình đồng trong một ngôi mộ ở Quảng Tây, vùng đất Tây Âu xưa. Do Tây Vu =Tây Âu nên chữ Tây Vu trên trống đồng cũng phù hợp với mối liên hệ giữa Thục Phán với Tây Âu. Nhưng Vu = Âu= Việt nên cách đọc của Ba Hyu cũng không sai, dù chưa rõ.¹

Dù vậy, những chữ Hán trên trống Cổ Loa cũng chỉ cho thấy bầy tôi của An Dương Vương đã dùng chữ Hán. Vậy An Dương có phải là vương hiệu thực của Thục Phán? Và trong vương hiệu đó, An Dương là tên nước hay tên người?

An Dương Vương có thể hiểu là vua nước An Dương, tương tự Điền Vương là Vua Điền, Nam Việt Vương là vua Nam Việt. Mặt khác, sự gần gũi về âm giữa An Dương với Hoa Dương (tên gọi của nước Thục xưa theo *Hoa Dương quốc chí*), Dạ Lang, Văn Lang cho thấy khả năng An Dương là tên nước đúng như học giả Trung Quốc Dư Duy Cương đã xác định. Nhưng nếu An Dương là tên nước thì phải lý giải thế nào tên nước Âu Lạc?

Toàn Thư cho biết: Thục Phán sau khi thôn tính Văn Lang lấy tên nước là Âu Lạc. Tên Âu Lạc cũng được *Hậu Hán Thư* dùng khi ghi sự kiện tả tướng Hoàng Đồng giết Tây Vu Vương (vua Tây Vu/Tây Âu) người định phát cờ chống Hán khi tướng Hán Lộ Bác Đức chiếm thành Phiên Ngung của Nam Việt.

Các nhà sử học thời hiện đại cho rằng tên Âu Lạc thể hiện sự thống nhất hai khối (Tây) Âu và Lạc (Việt). Đó là một cách lý giải thật hay, đẹp và khá logic, nhưng thực sự có phải như vậy?

Truyện *Rùa Vàng* trong *Lĩnh Nam Trích Quái* viết: An Dương Vương là người nước Âu Lạc, diệt nước Văn Lang, đổi tên nước là Âu Lạc. Như vậy có nghĩa Âu Lạc có thể là tên nước cũ của An Dương Vương, sau dùng thay thế tên nước cũ Văn Lang.

¹ Cùng những chữ đó, theo Trịnh Sinh (2010:339) học giả Trung Quốc Từ Tích Đài đọc là: *Trọng tứ thập bát, đệ nhất bách nhị ? , dung bách bát thập nhất thạch*; học giả Việt Nam Nguyễn Duy Hinh đọc là: *Trọng tứ thập bát, toán/mạc vương/ngọc bách bát thập nhất thạch*; Trịnh Sinh lại đọc là: *Trọng bách tập cân ? đệ nhị Tây Vu dung bát thập nhị*. Không rõ ai đúng???

Vấn đề càng rắc rối khi *Việt Sử Lược* viết: Thục Phán đắp thành ở Việt Thường, lấy hiệu là An Dương Vương, *Toàn Thư* viết: Thục Phán chiếm Văn Lang, đóng đô ở Phong Khê.

Phong Khê là tên huyện đời Hán, đổi thành Phong Châu thời Đường, là nơi có thành Văn Lang của Hùng Vương, từng được một sách thời Tống viết là đất Dạ Lang. Rõ ràng, các tên Hoa Dương, Dạ Lang, Văn Lang, Việt Thường đều tương ứng với An Dương. Vậy An Dương là một phiên âm khác của Hoa Dương (tên xưa của nước Thục); của Dạ Lang (tên nước cũ của cha ông Thục Phán ở Quý Châu), hay của Văn Lang (tên nước cũ và tên kinh đô của Vua Hùng), hay Việt Thường (tên nước gốc của nhiều nhóm dân từ Quảng Tây đến Việt Nam)?

Theo tôi, *An Dương* là một tên gọi khác của *Văn Lang* bởi về âm, An Dương, theo cách phiên âm Wade-Giles là *Ngan Yang* gần gũi nhất với Văn Lang (An=Ngan=Văn tương tự Ngai Lao= Ai Lao, ngắn=vấn).¹ Đó là tên vùng đất trung tâm của nước Âu Lạc.

Trong khi đó, Âu Lạc là một phiên âm khác của Lava-La Bạc-Lạc Việt, một nước của người La ở Quý Lâm, Quảng Tây, là nước mà cha ông Thục Phán đã thôn tính vào năm 257 TCN. Chúng ta không biết Thục Phán có phải là con trai của Dịch Hu Tống hay là “người tuấn kiệt” được bầu lên làm vua trong cuộc kháng chiến chống Tần hay không nhưng chắc chắn, Thục Phán đã là vua của nước Lạc Việt hay Âu Lạc đó trước khi đem quân xuống thôn tính Văn Lang năm 207 TCN. Chính mối liên hệ gần gũi giữa người Lava-La Bạc-Lạc Việt-Âu Lạc ở đây là một nguyên nhân sâu xa cho việc người Lạc Việt nước Văn Lang và người Việt sau này chấp nhận ông như một vị vua cũng như câu viết trong thần phả Đền Hùng (của Nguyễn Bính thời Lê) “Thục Phán là cháu Vua Hùng”, là người “thuộc tông phái Hoàng Đế trước”.

Như chúng ta sẽ thấy, cả hai tên gọi Âu Lạc và An Dương đã được gìn giữ dưới dạng tên nước *Yonok* và tên nước trung tâm là *Ngeun Yang* của người Lava/Lạc Việt ở Thái Lan từ 112 TCN đến 638 SCN. Từ năm 638, lại xuất hiện nước *Ngoenyang* có gốc từ nước Yonok và là tiền thân của nước *Lanna*, có lãnh thổ đến tận Tây Bắc Việt Nam (Phụ lục 13 A).

Tên nước Yonok tương ứng với tên tộc người Yuan/Yavanas/ Lava/Lạc Việt, vì thế Yonok hay Âu Lạc là tên nước được gọi theo tên tộc người chủ thể của nước đó. Trong khi đó, *Ngeun Yang*, *Ngoenyang* là những tên gọi họ hàng với *Ngan Yang*, *An Dương* là tên nước trung tâm, tức nước có vai trò chủ thể.

¹ An Dương tương ứng với An Yang (phiên âm kiểu Bính âm phổ biến từ năm 1979) hay Ngan Yang (phiên âm kiểu Wade-Giles phổ biến trước 1979).

Cần nhấn mạnh rằng các nước của người Bách Việt xưa thường là một liên minh lỏng lẻo gồm nhiều tiểu quốc của nhiều nhóm tộc người hay nhóm địa phương (mà hiện tượng 12 sứ quân thời Đinh là một ví dụ gần nhất), trong đó một nước mạnh nhất ở vùng trung tâm-kinh đô có vai trò bá chủ. Nước An Dương của An Dương Vương chính là nước đóng vai trò bá chủ trong liên minh Âu Lạc thời Thục Phán. Tên gọi An Dương có họ hàng với các tên gọi Dạ Lang, Thả Lan/Điền và có gốc Lava-Lạc Việt, vì thế có ý nghĩa chính trị -tộc người nhất định.

Tên *Ngoenyang* cũng chính là tên gốc của tên nước *Lan Xang* ở Lào (1353-1707) thường được hiểu là *Triệu Voi* hay *Vạn Tượng*, với các phiên âm Hán-Việt *Nam Chương, Lãm Chương, Nam Cương* (tên nước trong truyền thuyết Chín Chúa tranh vua của người Tày-Thái).¹

Kết luận

1-Thục Phán là nhân vật lịch sử có thực. Ông đúng là con cháu vua Thục, cụ thể hơn, thuộc hoàng tộc Khai Minh gốc La/Lạc Việt.

2- Việc chứng minh Thục Phán gốc Lạc Việt xứ Thục và là vua nước Lava-La Bạc-Lạc Việt –Tây Âu-Âu Lạc ở Quế Lâm Quảng Tây cho phép kết nối và thống nhất các giả thuyết tưởng như đối lập nhau về nguồn gốc Thục Phán: giả thuyết của Nguyễn Linh (1969) coi Thục Phán là người Ai Lao Vân Nam (Ai Lao là người Ba ở Tứ Xuyên được người Lào coi là tổ tiên); giả thuyết của Đào Duy Anh coi Thục Phán là vua nước Nam Cương của người Tày ở Cao Bằng-Quảng Tây; giả thuyết của Nguyễn Duy Hinh (1969) coi Thục Phán là vua nước Âu Lạc/Tây Âu/Lạc Việt ở Quế Lâm.

Nhà sử học Mỹ Thompson (2000: 26) từng viết: “Người Trung Hoa có thể coi Thục Phán- An Dương Vương là người Việt hoặc không phải là người Việt. Tuy nhiên tôi tin rằng việc người Việt chấp nhận ông như người lập ra nước Âu Lạc và truyền thuyết về kinh đô Cổ Loa đã rõ ràng cho thấy Thục Phán đến từ một văn hóa có liên hệ gần gũi với văn hóa của người Việt khi đó”.

Rõ ràng, dù chỉ dựa trên truyền thuyết, Thompson đã có niềm tin hoàn toàn phù hợp với các tư liệu dân tộc-khảo cổ học đã và sẽ nêu.

3- Việc xác định mối liên hệ cội nguồn giữa tên gọi, cấu trúc và biểu tượng của thành Thành Đô và thành Cổ Loa cũng khẳng định chính An Dương Vương là người

¹ Thực ra, truyền thuyết trên có cốt lõi từ một truyền thuyết Ba, được *Hậu Hán Thư* ghi lại: ở vùng nước Ba xưa có 5 bộ tộc (với 5 chúa) thỏa thuận tổ chức một cuộc thi tài, ai thắng thì làm vua. Hai môn thi là phi dao cắm vào vách đá, và đi thuyền. Người của bộ tộc Ba đã thắng và trở thành vị vua đầu tiên của nước Ba. [http://en.wikipedia.org/wiki/Ba_\(state\)](http://en.wikipedia.org/wiki/Ba_(state))

đầu tiên đã dựng thành Cổ Loa. Kiến thành (thành hình kén-tức hình tròn) của Mã Viện, với di tích thành Nội trên bản đồ Cổ Loa và những viên ngói Đông Hán dưới chân các vòng thành, chỉ là thành sửa sang lại thành Cổ Loa xưa của An Dương Vương.

4-Tên nước Âu Lạc không phản ánh sự thống nhất giữa hai tộc Âu và Lạc mà là một tên gọi khác của nước La Bạc/Lạc Việt ở Quế Lâm, Quảng Tây. Tên gọi An Dương Vương cho thấy sau khi làm chủ nước Văn Lang, Thục Phán vẫn giữ tên gọi gốc Văn Lang, được phiên âm thành An Dương, Việt Thường với mục đích duy trì, củng cố liên minh giữa các nước Văn Lang-Dạ Lang-Điền có cùng gốc Ya Yang/Việt Thường.